

SỞ Y TẾ THÁI BÌNH
BỆNH VIỆN DA LIỄU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC THUỐC TẠI NHÀ THUỐC BỆNH VIỆN

(Ban hành theo QĐ thầu số 52 / QĐ- BVDL ngày 14 tháng 03 năm 2025)

STT	TÊN THUỐC	HOẠT CHẤT, NỒNG ĐỘ, HÀM LƯỢNG	ĐVT	ĐÓNG GÓI	GIÁ BÁN
1	A.T Urea 20% 20g	Urea 20%	Tuýp	Hộp 1 tuýp x 20g	57.770,370
2	A-Cnotren 10mg	Isotretinoin 10mg	Viên	Hộp 3 vi x 10 viên	13.803,000
3	Acyclovir 5g	Aciclovir 5%	Tuýp	Hộp 1 tuýp 5g	4.510,000
4	Acypes 800	Acyclovir 800mg	Viên	Hộp 10 vi x 10 viên	483,000
5	Aginfolix 5	Acid folic (vitamin B9)	Viên	Hộp 10 vi x 10 viên	321,195
6	AlphaDHG	Chymotrypsin (tương đương 4200 USP unit)	viên	hộp 2 vi x 10 viên	793,500
7	Aziphar	Azithromycin	Chai/lọ	Hộp 1 chai x 22.5g	120.739,500
8	Befucid 20g	Acid fusidic + Betamethason (dưới dạng Betamethason valerat)	Tuýp	Hộp 1 tuýp x 20g	49.434,000
9	Bequantene 100mg	Dexpanthenol (Vitamin B5)	Viên	Hộp 2 vi x 10 viên	2.090,000
10	Beuticystine 500mg	L-Cystin	Viên	Hộp 12 vi x 5 viên	1.914,000
11	Biotin 5mg	Biotin (Vitamin H (B8)	Viên	Hộp 2 vi x 10 viên	1.650,000
12	Botox	Botulinum toxin* type A (* từ vi khuẩn Clostridium botulinum)	Lọ	Hộp 1 lọ 100 đơn vị	5.386.594,500

STT	TÊN THUỐC	HOẠT CHẤT, NỒNG ĐỘ, HÀM LƯỢNG	ĐVT	ĐÓNG GÓI	GIÁ BÁN
13	Bunpil cream 15g	Terbinafin HCL 10mg/g	Tuýp	Hộp 1 tuýp 15g	72.651,930
14	BV Medra 4	Methyl prednisolon 4mg	Viên	Hộp 10 vi x 10 viên	253,000
15	Cafunten 10mg	Clotrimazol 1%	Tuýp	Hộp 1 tuýp 10g	6.099,000
16	Candid TV 60ml	Mỗi chai 60ml chứa: Clotrimazole + Selen Sulfide	Chai	Hộp 1 chai 60ml	105.879,763
17	Candisafe	Clindamycin Phosphate + Clotrimazole	Viên	Hộp 1 vi x 7 viên	19.260,000
18	Cezinco	Acid ascorbic (dưới dạng natri ascorbat); Kẽm nguyên tố (dưới dạng Kẽm sulfat monohydrat)	Ống	Hộp 10, 20, 30 ống x 5ml	9.095,000
19	CKDCipol-N 25mg	Cyclosporin	Viên	Hộp 10 vi x 5 viên	10.678,600
20	Clanoz 10mg	Loratadin 10mg	viên	hộp 2 vi x 10 viên	322,000
21	Colpurin 20mg	Bilastin 20mg	Viên	Hộp 6 vi x 10 viên	2.748,900
22	Conipa pure 10ml	Kẽm (dưới dạng kẽm gluconat)	Ống	Hộp 4 vi x 5 ống 10ml	4.950,000
23	Curam 1000mg	Amoxicillin (dưới dạng amoxicillin trihydrat 1005mg) 875mg; Acid clavulanic (dưới dạng kali clavulanat 149mg) 125mg	Viên	Hộp 10 vi x 8 viên	6.362,220
24	Cyperdin 250mg	Terbinafin (dưới dạng terbinafin hydroclorid)	Viên	Hộp 6 vi x 10 viên	6.830,880
25	Cystin-B6 Boston	L-Cystin; Pyridoxin hydroclorid	Viên	Hộp 5 vi x 20 viên	4.767,400
26	Chamcromus 0,03% 10g	Tacrolimus (dưới dạng Tacrolimus monohydrat)	Tuýp	Hộp 1 tuýp 10g	36.915,000
27	Chamcromus 0,1% 10g	Tacrolimus (dưới dạng Tacrolimus monohydrat)	Tuýp	Hộp 1 tuýp 10g	60.990,000

STT	TÊN THUỐC	HOẠT CHẤT, NỒNG ĐỘ, HÀM LƯỢNG	ĐVT	ĐÓNG GÓI	GIÁ BÁN
28	Daivonex 30g	Calcipotriol 500mcg	Tuýp	Hộp 1 tuýp 30g	315.315,000
29	Domenol 16mg	Methylprednisolon 16mg	Viên	Hộp 3 vỉ x 10 viên	1.155,000
30	Ebarsun 6mg	Ivermectin 6mg	Viên	Hộp 02 vỉ x 2 viên	11.641,600
31	Elarothene 5mg	Desloratadin 5mg	Viên	Hộp 3 vỉ x 10 viên	5.729,850
32	Enzicoba	Nấm men khô chứa selen; Nấm men khô chứa crom; Acid ascorbic	Viên	Hộp 4 vỉ x 15 viên	5.390,000
33	Fellaini 25mg	Acitretin 25mg	Viên	Hộp 3 vỉ x 10 viên	18.190,000
34	Forsancort 15g	Hydrocortison 1%	Tuýp	Hộp 1 tuýp 15g	31.875,300
35	Fucicort 15g	Fusidic acid + Betamethason (dưới dạng valerat)	Tuýp	Hộp 1 tuýp 15g	105.223,800
36	Fudophar 400 mg	Mỗi ống 8 ml chứa: Arginin hydroclorid 400 mg	Chai/ống/lọ/tuýp	Hộp 12 ống, 24 ống, 36 ống, 48 ống x 8 ml	3.848,900
37	Ganlotus	L-Arginin L-aspartat	Ống	Hộp 8 vỉ x 5 ống/vỉ x 10ml/ống	7.276,000
38	Gelacmeigel 15g	Metronidazol	Tuýp	Hộp 1 tuýp 15g	14.980,000
39	Hapacol Caplet 500	Acetaminophen	viên	hộp 10 vỉ x 10 viên	379,500
40	HCQ 200mg	Hydroxychloroquine sulfate	Viên	Hộp 10 vỉ x 10 viên	4.928,000
41	Hepedon cap.	Thymomodulin 80mg	Viên	Hộp 10 vỉ x 10 viên	4.394,500
42	Ifatrax 100mg	Itraconazol 100mg	Viên	Hộp 3 vỉ x 10 viên	3.696,000
43	Ivermectin 3 A.T	Ivermectin 3mg	Viên	Hộp 1 vỉ x 4 viên	5.992,000
44	Joterox 15g	Clindamycin 150mg	Tuýp	Hộp 1 tuýp 15g	65.163,000

STT	TÊN THUỐC	HOẠT CHẤT, NỒNG ĐỘ, HÀM LƯỢNG	ĐVT	ĐÓNG GÓI	GIÁ BÁN
45	Klamenti 250/31.25	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicillin trihydrat) + Acid clavulanic (dưới dạng Clavulanat kali)	gói	hộp 24 gói x 1g	3.441,900
46	Medrol 16mg	Methylprednisolone 16mg	Viên	Hộp 3 vỉ x 10 viên	4.323,000
47	Medrol 4mg	Methylprednisolone 4mg	Viên	Hộp 3 vỉ x 10 viên	1.215,500
48	Medskin Acyclovir 200	Acyclovir 200mg	viên	hộp 5 vỉ x 10 viên	975,200
49	Mediplex 800mg	Acyclovir 800mg	viên	Hộp 3 vỉ x 4 viên	8.988,
50	Medskin clovir 800	Acyclovir 800mg	viên	hộp 3 vỉ x 10 viên	3.520,000
51	Metronidazol 250	Metronidazol 250mg	viên	hộp 10 vỉ x 10 viên	289,800
52	Mezathin	L-ornithin L-aspartat	Viên	Hộp 12 vỉ x 5 viên	3.080,000
53	Mibiotin 10mg	Vitamin H (B8)	Viên	Hộp 3 vỉ, 6 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	4.290,000
54	Micospray 15ml	Miconazol 20mg/ml	Lọ	Hộp 1 lọ 15 ml	96.300,000
55	Monithin 30ml	Clindamycin (dưới dạng clindamycin phosphat 11,88mg)	Lọ	Hộp 1 lọ 30ml	96.300,000
56	Pirolam 20g	Ciclopirox olamin 10mg/g	Tuýp	Hộp 1 tuýp 20g	107.000,000
57	PMS -Pregabalin 75mg	Pregabalin 75mg	Viên	Chai 100 viên, Hộp 4 vỉ x 15 viên	3.118,500
58	Pomonolac 15g	Calcipotriol (dưới dạng Calcipotriol monohydrat)	Tuýp	Hộp 1 tuýp 15g	136.500,000
59	Promethazin 10g	Promethazin hydroclorid	Tuýp	Hộp 1 tuýp 10g	6.741,000
60	Phabadarin 140	Silymarin	Viên	Hộp 3 vỉ x 10 viên (Nhôm-PVC)	3.410,000
61	Rubotoon 10	Isotretinoin 10mg	Viên	Hộp 03 vỉ x 10 viên	4.412,100
62	Rubotoon 20	Isotretinoin 20mg	Viên	Hộp 03 vỉ x 10 viên	6.206,000

STT	TÊN THUỐC	HOẠT CHẤT, NỒNG ĐỘ, HÀM LƯỢNG	ĐVT	ĐÓNG GÓI	GIÁ BÁN
63	Rupafin 10mg	Rupatadine (dưới dạng Rupatadine Fumarate)	Viên	Hộp 1 vi x 10 viên	6.955,000
64	Silverzinc 50	Zinc (Kẽm) (dưới dạng Zinc gluconate)	Viên	Hộp 10 vi x 10 viên	2.750,000
65	Sotrettran 10mg	Isotretinoin 10mg	Viên	Hộp 3 vi x 10 viên	7.276,000
66	Spulit 100mg	Itraconazol 100mg	Viên	Hộp 6 vi x 5 viên	14.766,000
67	Star-GSV- 15g	Terbinafin hydroclorid	Tuýp	Hộp 1 tuýp 15g	47.058,600
68	Tebantin 300mg	Gabapentin 300mg	Viên	Hộp 5 vi x 10 viên	5.500,000
69	Tetracyclin 1% 5g	Tetracyclin hydroclorid	Tuýp	Hộp 100 Tuýp 5g	3.850,000
70	Tinfoten 180	Fexofenadin 180mg	Viên	Hộp 2 vi x 10 viên	5.082,000
71	Tphplus 90ml	Fexofenadin hydroclorid	Lọ	Hộp, 1 lọ x 90ml kèm 01 cốc chia liều	102.720,000
72	Tralop 0,05%	Clobetasol propionat micronised 0,05 % (w/w)	Tuýp	Hộp 1 tuýp x 15 gam	7.169,000
73	Zaromax 500	Azithromycin (dưới dạng Azithromycin dihydrat) 500mg	viên	hộp 3 vi x 10 viên	5.617,500

Thái bình ngày 15 tháng 4 năm 2025

NGƯỜI LẬP

KHOA DƯỢC

BỆNH VIỆN DA LIỄU

Trần Thị Liên

Đan Kim Thoa



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thế Bê